

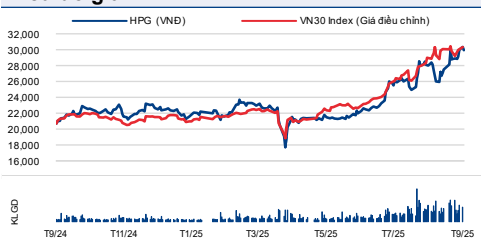
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,900
Tiềm năng tăng/giảm: 26.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/9/2025)	29,950
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-30,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	30,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	229,880
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,715
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,200
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.3%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	173,234	229,104
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,588	31,007	40,662
LNTT (tỷ đồng)	13,693	19,771	26,178
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,419	16,528	22,879
FCF (tỷ đồng)	(28,452)	(5,531)	(4,132)
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,153	2,981
DPS (đồng)	0	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,878	17,052	19,033
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	43.6	31.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	20.6	38.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	17.9	17.7
Tỷ suất LNTT (%)	9.86	11.4	11.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.0	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	44.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	57.1	52.2
ROAE (%)	11.1	14.2	17.4
ROACE (%)	11.0	13.8	17.0
EV/doanh thu (lần)	1.79	1.65	1.23
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.5	9.24	6.94
P/E ĐC (lần)	20.1	13.9	10.0
P/B (lần)	1.68	1.76	1.57
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.34	3.34

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

IPO mảng Nông nghiệp; dự kiến phát hành 30 triệu cổ phiếu mới, tương đương 11,8% cổ phiếu đang lưu hành

- Ngày 17/9/2025, HPG chính thức công bố kế hoạch IPO cho CTCP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (HPA), cùng với mục tiêu niêm yết cổ phiếu trên sàn HSX vào tháng 12/2025. HPA có kế hoạch phát hành 30 triệu cổ phiếu mới, tương đương 11,8% tổng số cổ phiếu đang lưu hành thông qua hoạt động IPO. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để tài trợ cho việc mở rộng HKDK của HPA, tập trung vào phân khúc trang trại.
- Tính đến tháng 6/2025, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của HPA ở mức 11.887đ và EPS (4 quý gần nhất) là 5.820đ. Cho năm 2025, HPG đặt mục tiêu lợi nhuận thuần 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 55%) hoặc EPS là 5.961đ, thấp hơn so với EPS của HSC kỳ vọng ở mức 6.484đ (tăng 69% so với cùng kỳ).
- Chúng tôi cho rằng định giá IPO theo phương pháp P/E của 4 quý gần nhất của HPA sẽ ở vào khoảng 5,2-6,9 lần, do đó vốn hóa thị trường (sau IPO) của HPA sẽ nằm trong khoảng 323-430 triệu USD. Việc tiến hành IPO HPA có thể sẽ hỗ trợ tâm lý thị trường tích cực đối với giá cổ phiếu HPG. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG.

Sự kiện: Công bố kế hoạch IPO của HPA

Ngày 17/9/2025, HPG chính thức công bố các mốc thời gian và thông tin liên quan đến việc IPO HPA. Chi tiết như sau:

Quy mô kinh doanh của HPA

Được thành lập cách đây 10 năm với tổng vốn đầu tư lũy kế qua các năm khoảng 3 nghìn tỷ đồng, HPA bắt đầu đạt được những thành tựu và đang trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực này. Mảng nông nghiệp của HPG bao gồm hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi (với công suất 600.000 tấn/năm), chăn nuôi lợn (600.000 con/năm), chăn nuôi bò (150.000 con/năm) và trứng gà (330 triệu quả trứng/năm).

Đến nay, HPA có vốn điều lệ 2.550 tỷ đồng. Về cơ cấu cổ đông, HPG nắm giữ cổ phần chi phối tại HPA với thông tin chi tiết như sau:

- HPG gần đây đã giảm tỷ lệ sở hữu tại HPA xuống 94,992% (so với 99,992% trước đây) thông qua việc bán 12,75 triệu cổ phiếu HPA cho cán bộ công nhân viên của Tập đoàn vào giữa tháng 9.
- Theo đó, ở thời điểm hiện tại cán bộ công nhân viên của HPG sở hữu 5% cổ phần tại HPA.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Phân tích độ nhạy đối với định giá cổ phiếu, HPA

HSC giả định vốn hóa của HPA thông qua IPO đạt khoảng 323-430 triệu USD

Định giá	Vốn-trước IPO		Vốn-sau IPO
Đơn vị: đồng	Trượt (4 quý gần nhất)	Dự phóng (2025)	Dự phóng (2025)
BVPS	11,887	13,848	12,390
EPS (Mục tiêu của HPG)	5,820	5,961	5,333
EPS dự báo của HSC	5,820	6,484	5,802
P/B tại mức giá 1	2.5	2.2	2.4
P/B tại mức giá 2	2.9	2.5	2.8
P/B tại mức giá 3	3.4	2.9	3.2
P/E tại mức giá 1	5.2	5.0	5.6
P/E tại mức giá 2	6.0	5.9	6.6
P/E tại mức giá 3	6.9	6.7	7.5
Vốn hóa tại mức giá 1	323 triệu USD		
Vốn hóa tại mức giá 2	376 triệu USD		
Vốn hóa tại mức giá 3	430 triệu USD		

Ghi chú: các mức giá 1/2/3 giả định lần lượt là 30.000/35.000/40.000đ/cp. Tính toán định giá dựa trên lợi nhuận thuần mục tiêu của HPG, thay vì ước tính của HSC
Nguồn: HPG, HSC

HPA đóng góp 12% lợi nhuận thuần của HPG trong nửa đầu năm 2025

Mức đóng góp lợi nhuận của HPA đã cải thiện theo thời gian, với mức đóng góp 12% vào lợi nhuận thuần của HPG trong 6 tháng đầu năm 2025 mặc dù mức đóng góp vào doanh thu thuần ổn định ở mức 5% nhờ quản lý chi phí hiệu quả. Tỷ suất lợi nhuận thuần của HPA đã cải thiện mạnh trong vài quý vừa qua, lên 23,8% trong Q2/2025, được hỗ trợ bởi việc kiểm soát chặt chẽ quy trình vận hành và điều kiện thị trường thuận lợi đối với giá thịt lợn.

So với các công ty cùng ngành như Dabaco (DBC – HSX; chưa khuyến nghị), BaF Vietnam (BAF – HSX; chưa khuyến nghị) và Masan Meatlife (MML – Upcom; chưa khuyến nghị), HPG đã đạt được KQKD vượt trội về mặt lợi nhuận thuần và tỷ suất lợi nhuận. Theo đó, lợi nhuận thuần Q2/2025 của HPG đạt 23,8%, cao hơn so với mức 10,4%/13,3%/14% của MML/DBC/BAF. Trong năm 2024, HPA cũng đạt hệ số ROE tích cực ở mức 34,4%, cao hơn so với 0,6%/10,8%/11,4% của MML/BAF/DBC. [Để có thêm thông tin chi tiết, vui lòng xem báo cáo mới nhất về HPG của chúng tôi.](#)

HSC dự báo trong năm nay, mảng nông nghiệp sẽ đạt mức 1.741 tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 69% so với cùng kỳ) và đóng góp 10% vào lợi nhuận thuần hợp nhất của HPG. Chúng tôi dự báo kết quả của HPA khá quan trọng so với mục tiêu lợi nhuận thuần là 1.600 tỷ đồng (tăng trưởng 55%) của HPA. Cho năm 2026-2027, chúng tôi dự báo mức đóng góp của mảng này vào lợi nhuận thuần của HPG sẽ giảm xuống 7%/6% khi tốc độ tăng trưởng của mảng thép trở nên mạnh hơn nhờ sự đóng góp của công suất mới từ dự án Dung Quất Giai đoạn 2.

Thông tin IPO

HPA có kế hoạch phát hành 30 triệu cổ phiếu mới thông qua IPO, nâng vốn điều lệ lên 2.850 tỷ đồng, so với mức hiện tại là 2.550 tỷ đồng, tương đương mức tăng 11,8%. Sau khi huy động vốn thành công, HPG sẽ nắm giữ 85% cổ phần tại HPA, so với mức 95% ở thời điểm hiện tại (Bảng 3). Số tiền thu được dự kiến sẽ sử dụng cho việc đầu tư mở rộng phân khúc trang trại. Sau IPO, HPG đặt mục tiêu niêm yết cổ phiếu HPA trên sàn HSX, sớm nhất là vào tháng 12/2025.

Thông tin chi tiết về giá trị IPO hoặc mức định giá kỳ vọng vẫn chưa được công bố, nhưng dưới đây là một số phân tích của chúng tôi về mặt định giá. Trên thị trường niêm yết, DBC/BAF/MML đang giao dịch với P/E 12 tháng gần nhất lần lượt ở mức 6,5 lần/14,5 lần/479,5 lần. DBC/BAF/MML cũng đang giao dịch với P/B 12 tháng gần nhất lần lượt là 1,5 lần/2,4 lần/1,6 lần. Dựa trên mục tiêu lợi nhuận thuần của HPA cho năm nay (chúng tôi đánh giá là mục tiêu khá thận trọng), giá IPO sẽ rơi vào khoảng 30.000-40.000đ/cp (theo ước tính của chúng tôi). Từ đó, P/E và P/B 12 tháng gần nhất (trước khi huy động vốn) lần lượt dao động từ 5,2 lần đến 6,9 lần và 2,5 lần đến 3,4 lần. Nhờ có lợi nhuận vượt trội, HSC tin rằng HPA có thể sẽ giao dịch với mức định giá cao hơn so với các công ty cùng ngành.

Chúng tôi cũng lưu ý rằng với số tiền thu được từ hoạt động IPO dự kiến vào khoảng 900-1.200 tỷ đồng, HPA có thể dễ dàng mở rộng quy mô kinh doanh. Điều này sẽ dẫn đến triển vọng lợi nhuận tích cực trong giai đoạn sau IPO. Để dễ hình dung, lợi nhuận thuần hằng năm của HPA ước đạt khoảng 1,6-2 nghìn tỷ đồng, trong khi tổng vốn đầu tư của Công ty kể từ khi mới thành lập chỉ ở mức 3 nghìn tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

Việc IPO HPA mang lại cơ hội hấp dẫn cho các nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội đầu tư vào ngành nông nghiệp và một công ty có quản trị tốt. HSC tin rằng với mức giá IPO dưới 40.000đ/cp, đây sẽ là một khoản đầu tư hấp dẫn. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 37.900đ (tiềm năng tăng giá 27%). HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,1 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 13,1 lần.

Bảng 2: Quy mô IPO, HPA

HPG dự kiến huy động 11,8% vốn điều lệ của HPA thông qua IPO

(Triệu cổ phiếu)	Trước IPO	Sau IPO
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	2,550	2,850
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu)	255.00	285.00
HPG nắm giữ (triệu)	242.23	242.23
Nhân viên của HPG nắm giữ (triệu)	12.75	12.75
Phát hành mới qua IPO (triệu)	0.00	30.00
Khác (triệu)	0.02	0.02

Nguồn: HPG, HSC

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông, HPA

Sau IPO, HPG sẽ nắm giữ 85% cổ phần HPA

Cơ cấu cổ đông	Trước IPO	Sau IPO
HPG	94.99%	84.99%
Nhân viên của HPG	5.00%	4.47%
IPO	0.00%	10.53%
Khác	0.01%	0.01%
Tổng	100.00%	100.00%

Nguồn: HPG, HSC

Bảng 4: Lợi nhuận của HPA

Chúng tôi dự báo lợi nhuận của HPA trong năm 2025 sẽ cao hơn so với kế hoạch công ty đặt ra

(Tỷ đồng)	Kế hoạch của HPG 2025	Tăng trưởng	Dự báo 2025 của HSC	Tăng trưởng
Lợi nhuận thuần mảng nông nghiệp	1,600	55%	1,741	69%
Lợi nhuận thuần của HPG	15,000	25%	17,398	45%
% tỷ trọng đóng góp	10.7%		10.0%	

Nguồn: HPG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	173,234	229,104	254,976
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	27,569	36,742	44,017
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(5,110)	(6,759)	(7,522)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	22,458	29,983	36,495
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,722)	(3,851)	(3,000)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	34.6	45.8	51.0
LN TT	7,793	13,693	19,771	26,178	33,546
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(2,373)	(2,094)	(2,348)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	(0.42)	(0.61)	(0.84)	(1.09)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,020	17,398	24,083	31,197
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,419	16,528	22,879	29,637
EBITDA ĐC	16,431	21,588	31,007	40,662	48,126
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,267	3,138	4,064
EPS ĐC (đồng)	846	1,488	2,153	2,981	3,861
DPS (đồng)	0	0	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	26,796	16,712	16,883
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	17,323	22,910	30,597
Phải thu khách hàng	10,702	7,622	15,591	22,910	28,047
Hàng tồn kho	34,504	46,521	51,970	66,440	73,943
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,662	11,455	15,299
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	87,079	120,342	140,428	164,769
TSCĐ hữu hình	97,886	130,994	133,707	127,421	126,441
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,537	6,612	8,721	9,695
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,411	141,051	136,862	136,841
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	261,393	277,290	301,610
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	60,632	68,731	71,393
Phải trả người bán	12,387	14,110	17,323	25,201	28,047
Nợ ngắn hạn khác	2,457	3,029	3,234	3,835	4,059
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,503	84,286	101,863	108,057
Nợ dài hạn	10,399	27,080	39,912	23,026	19,189
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,162	6,019	6,021	6,022
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,271	45,932	29,047	25,211
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	130,217	130,910	133,268
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,355	130,883	146,086	168,047
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	293	293	294	295
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	131,176	146,380	168,343
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	261,393	277,290	301,610
BVPS (đ)	17,674	17,878	17,052	19,033	21,894
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	73,748	75,045	73,699

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	22,458	29,983	36,495
Khấu hao	(6,762)	(6,973)	(8,549)	(10,679)	(11,630)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,722)	(3,851)	(3,000)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(2,373)	(2,094)	(2,348)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,845)	(22,354)	(37,767)	(22,680)
Khác	(4,595)	(2,067)	(3,731)	(4,939)	(4,452)
LCT thuần từ HĐKD	8,643	7,027	5,719	249	22,551
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,479)	(11,250)	(4,381)	(10,636)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,817)	1,615	(5,643)	(7,713)
Thanh lý	42,960	33,152	519	675	597
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(30,143)	(9,116)	(9,348)	(17,751)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	0	(7,675)	(7,675)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,524	23,306	6,691	3,047
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,752	23,306	(984)	(4,628)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	26,796	16,712
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	19,908	(10,084)	171
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	26,796	16,712	16,883
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,452)	(5,531)	(4,132)	11,915

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.9	16.0	17.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.9	17.7	18.9
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.0	10.5	12.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	12.0	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	24.8	32.3	11.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.4	43.6	31.1	18.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	44.7	38.4	29.5
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	20.6	38.4	29.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	75.9	44.7	38.4	29.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	44.1	31.9	24.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	14.2	17.4	19.9
ROACE (%)	8.62	11.0	13.8	17.0	19.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.71	0.85	0.88
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.48	0.25	0.01	0.62
Số ngày tồn kho	119	141	130	126	128
Số ngày phải thu	36.8	23.1	39.1	43.5	48.5
Số ngày phải trả	42.6	42.8	43.4	47.8	48.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	57.1	52.2	44.7
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	38.8	33.5	30.5
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	8.25	7.79	12.2
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.88	3.27	2.29	1.91
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.43	1.38	1.52
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.72	1.79	1.65	1.23	1.07
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.5	11.5	9.24	6.94	5.68
P/E (lần)	25.5	15.9	13.2	9.55	7.37
P/E ĐC (lần)	35.4	20.1	13.9	10.0	7.76
P/B (lần)	1.69	1.68	1.76	1.57	1.37
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.34	3.34	3.34

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn